THE ORDER OF ADJECTIVES (Trật tự tính từ)

OSASCOMP

ÔNG SÁU ĂN SÚP CUA ÔNG MẬP PHÌ

Opinion - quan điểm: *beautiful, perfect, ugly...*

Size - kích cỡ: *big, small, large, tall, short,...*

Age - độ tuổi: *young, old, new, ancient,...*

Shape - hình dáng: *square, round, oval,...*

Color - màu sắc: *blue, yellow, pink, red,...*

Origin - nguồn gốc: *Vietnamese, Chinese,...*

Material - chất liệu: *stone, plastic, paper,...*

Purpose - mục đích, công dụng: *walking, riding,...*

* Ví dụ:
A handsome young English man. (Một chàng trai trẻ người Anh điển trai.)
A huge round metal bowl. (Một cái bát kim loại tròn to tướng.)
A small red sleeping bag. (Một cái túi ngủ dã ngoại nhỏ màu đỏ.)
Our big blue American car. (Chiếc ô tô lớn màu xanh từ Mỹ của chúng ta)

* Áp dụng:

I/ Reorder these following words

1. grey / long / beard / a → a long grey bear
2. flowers / red / small →
3. car / black / big / a →
4. blonde / hair / long →
5. house / a / modern / big / brick →

LIVEWORKSHEETS